

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 30-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Thống;

2. Ông Đặng Hoàng Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-DS ngày 26/3/2024 việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-DS ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40B/2024/QĐST-DS ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố VP2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh K; *có mặt*

Bị đơn: Ông Trần Bé S, sinh năm 1980; *có đơn xin vắng mặt*

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; *vắng mặt*

Cùng địa chỉ: khu phố VP2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh K;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày: Bà là chủ hụi, vợ chồng ông S là hụi viên. Vợ chồng ông S và bà P có tham gia một dây hụi, cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng đồng/tháng, hụi khai ngày 10/5/2021 (hụi mãn ngày 05/8/2024, do đình hụi 01 tháng nên đến ngày 05/9/2024 mới mãn), có 40 chân, vợ chồng ông S tham gia 02 chân.

Chân thứ nhất: Vợ chồng ông S đóng được 02 lần đến lần thứ 3 thì bỏ hụi và hốt, sau đó vợ chồng ông S đóng đến tháng 10 năm 2022 được 15 lần hụi chết thì không đóng nữa, từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024 bà T đã lắp hụi cho vợ chồng ông S 16 lần với số tiền là 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, phần tiền này bà T đã tràng hụi cho vợ chồng ông S, dây hụi này còn 6 lần nữa mới mãn hụi (hụi mãn ngày 05/9/2024).

Chân thứ hai: Vợ chồng ông S đóng được 03 đến lần thứ 4 thì bỏ hụi và hốt, sau đó vợ chồng ông S đóng đến tháng 10 năm 2022 được 14 lần hụi chết thì không đóng nữa, từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024 bà T đã lắp hụi cho vợ chồng ông S 16 lần với số tiền là 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, phần tiền này bà T đã tràng hụi cho vợ chồng ông S, dây hụi này còn 06 lần nữa mới mãn hụi (hụi mãn ngày 05/9/2024).

Bà T đã gặp và yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền hụi tràng, vợ chồng ông S hứa hẹn mà không trả tiền nợ hụi và đóng tiền hụi còn lại cho bà T.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S trả cho bà toàn bộ số tiền còn nợ là 32.000.000 đồng.

Theo bản tự khai đề ngày 09/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Bé S trình bày: Ông thống nhất quá trình chơi 01 dây hụi của vợ chồng ông và số tiền còn nợ hụi lại bà T tổng 02 chân hụi là 32.000.000 đồng. Về phương thức trả thì do hoàn cảnh khó khăn ông S xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi đủ 32.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Bé S là bị đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Sáu. Đối với bà Nguyễn Thị Phường là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Phường.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà T và vợ chồng ông S có hợp đồng góp hụi (bà T là chủ hụi; vợ chồng ông S là hụi viên), nay có tranh chấp bà T yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*”.

[3] *Về nội dung vụ án:* Dây hụi 1.000.000 đồng đồng/tháng, hụi khai ngày 10/5/2021 (hụi mãn ngày 05/8/2024, do đình hụi 01 tháng nên đến ngày 05/9/2024 mới mãn), có 40 chân, vợ chồng ông S tham gia 02 chân. Chân thứ nhất: Vợ chồng ông S đóng được 02 lần đến lần thứ 3 thì bỏ hụi và hốt, sau đó vợ chồng ông S đóng đến tháng 10/2022 được 15 lần hụi chết thì không đóng nữa, từ tháng

11/2022 đến tháng 3/2024 bà T đã lấp hụi cho vợ chồng ông S 16 lần với số tiền là 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, phần tiền này bà T đã tràng hụi cho vợ chồng ông S, đây hụi này còn 6 lần nữa mới mãn hụi (hụi mãn ngày 05/9/2024).

Chân thứ hai: Vợ chồng ông S đóng được 03 đến lần thứ 4 thì bỏ hụi và hốt, sau đó vợ chồng ông S đóng đến tháng 10/2022 được 14 lần hụi chết thì không đóng nữa, từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2024 bà T đã lấp hụi cho vợ chồng ông S 16 lần với số tiền là 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, phần tiền này bà T đã tràng hụi cho vợ chồng ông S, đây hụi này còn 06 lần nữa mới mãn hụi (hụi mãn ngày 05/9/2024). Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà T số tiền 32.000.000 đồng, về phương thức trả thì ông S xin trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi đủ 32.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp phần hụi theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên bà T yêu cầu vợ chồng ông S trả là phù hợp với quy định của pháp luật, xét yêu cầu xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc vợ chồng ông S trả cho bà T số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng.

[4] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vợ chồng ông S phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ phải T hành là: 32.000.000 đồng x 5% = 1.600.000 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng theo biên lai thu số 0005442 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục T hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T đối với ông Trần Bé S và bà Nguyễn Thị P. Buộc ông Trần Bé S và bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng T số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Bé S và bà Nguyễn Thị P phải chịu là 1.600.000 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng theo biên lai thu số 0005442 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục T hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật T hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án Đương sự vắng mặt (ông Trần Bé S và bà Nguyễn Thị P) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm